TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOẰNG HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:13/2024/HS-ST
Ngày 05/3/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nga
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hòa
Ông Lê Hữu Quang

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2024 đối với:

Bị cáo **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 08/02/1993 tại Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Hoằng Ngọc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Phạm Thị H; có chồng Nguyễn Viết M và có 01 con; tiền án; tiền sự: Không. Bị cáo thực hiện lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Quang G, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn …, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trương Nam A, sinh năm 1995. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Đăng S, sinh năm 1988. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

4. Chị Trần Thị T, sinh năm 1994. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Anh Hắc Ngọc B, sinh năm 1985. Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn …, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 8 năm 2021, Nguyễn Thị H đã thực hiện hoạt động cho vay lãi bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất dao động từ 4000 đồng/1triệu đồng/ngày đến 5000 đồng/1triệu đồng/ngày tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 190%/năm; cách thức giao nhận tiền trong các giao dịch cho vay của Nguyễn Thị H được thực hiện bằng hình thức giao nhận tiền mặt trực tiếp hoặc khách hàng trả tiền lãi thông qua chuyển khoản ngân hàng, H chỉ sử dụng 02 tài khoản ngân hàng đứng tên là Nguyễn Thị H mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, số tài khoản 3518205205194 và Ngân hàng VIB số tài khoản 961886212 để giao dịch giao, nhận tiền với khách vay.

Trong thời gian từ tháng 08/2021 đến tháng 9/2023 bị cáo Nguyễn Thị H đã cho 04 người vay tiền bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất từ 4000 đồng/1triệu/ngày đến 5000 đồng/1 triệu/ngày tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 190%/năm; gấp 7,3 đến 9,5 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; số tiền gốc dùng để giao dịch là 260.000.000 đồng, H đã thu về tiền gốc 108.630.000 đồng, còn lại 151.370.000 đồng người vay chưa trả. Tổng số tiền lãi đã thu là 428.500.000 đồng, trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự là 46.098.631 đồng, Hà đã thu lợi bất chính số tiền 382.401.369 đồng.

Quá trình điều tra xác định được H có hành vi cho vay lãi nặng với những người vay cụ thể như sau:

1. Anh Lê Quang G vay tổng số tiền 80.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 08/8/2021 anh G vay của H số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương ứng lãi suất 183%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu tiên là 2.250.000 đồng/30 ngày, số tiền anh G nhận là 12.750.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 717 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 54.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 15.000.000 x 20% : 365 x 717 ngày = 5.893.151 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 48.106.849 đồng.

- Ngày 18/8/2021 anh G vay của H số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng lãi suất 186%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu tiên là 2.250.000 đồng/30 ngày, số tiền anh G nhận là 12.750.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 18/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 707 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 54.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 15.000.000 x 20% : 365 x 707 ngày = 5.810.959 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 48.189.041 đồng.

- Ngày 22/8/2021 anh G vay của H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng lãi suất 186%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu

tiên là 1.500.000 đồng/30 ngày, số tiền anh G nhận là 8.500.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 22/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 703 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 36.000.000 đồng; trong đó số tiên lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10.000.000 x 20% : 365 x 703 ngày = 3.852.055 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 32.147.945 đồng.

- Ngày 23/8/2021 anh G vay của H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng lãi suất 186%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu tiên là 3.000.000 đồng/30 ngày, số tiền anh G nhận là 17.000.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 23/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 702 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 72.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 702 ngày = 7.693.151 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 64.306.849 đồng.

- Ngày 26/8/2021 anh Gi vay của H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng lãi suất 188%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu tiên là 1.500.000 đồng/30 ngày, số tiền anh Giang nhận là 8.500.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 26/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 699 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 36.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10.000.000 x 20% : 365 x 699 ngày = 3.830.137 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 32.169.863 đồng.

- Ngày 27/8/2021 anh G vay của H số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất là 5000 đồng/1.000.000đồng/ngày tương ứng lãi suất 188%/năm và cắt lãi trực tiếp tháng đầu tiên là 1.500.000 đồng/30 ngày, số tiền anh Giang nhận là 8.500.000 đồng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 26/8/2021 đến ngày 24/9/2023 là 698 ngày (Đã trừ 60 ngày H không thu lãi); tổng số lãi đã thu 36.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10.000.000 x 20% : 365 x 698 ngày = 3.824.658 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 32.175.342 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/9/2023 Nguyễn Thị H đã cho anh G vay tổng số tiền gốc là 80.000.000 đồng, thu tổng số tiền lãi là 288.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 186%/năm, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9,3 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 30.904.110 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 257.095.890 đồng. Đến thời điểm hiện tại anh G vẫn chưa trả số tiền gốc 80.000.000 đồng cho H.

2. Anh Trương Nam A vay tổng số tiền 70.000.000 đồng, cụ thể:

- Ngày 01/4/2022 anh Nam A vay của H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 01/4/2022 đến ngày 01/7/2023 là 456 ngày; tổng số lãi đã thu 48.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 456 ngày = 4.997.260 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 43.002.740 đồng.

- Ngày 01/5/2022 anh Nam A vay của H số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất là 3.000.000 đồng/tháng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 01/5/2022 đến ngày 01/7/2023 là 426 ngày; tổng số lãi đã thu 45.000.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 426 ngày = 4.668.493 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 40.331.507 đồng.

- Ngày 05/6/2022 anh Nam A vay của H số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất là 4.500.000 đồng/ tháng, thỏa thuận 30 ngày đóng lãi một lần, thời gian vay từ ngày 05/6/2022 đến ngày 05/11/2022 là 153 ngày; tổng số lãi đã thu 22.500.000 đồng; trong đó số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 153 ngày =2.515.068 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 19.984.932 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2023 Nguyễn Thị H đã cho anh Nam A vay tổng số tiền gốc là 70.000.000 đồng, thu tổng tiền lãi là 115.500.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 190%/năm, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9,5 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 12.180.822 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 103.319.178 đồng. Tháng 7/2023 anh Nam A trả hết toàn bộ số tiền gốc cho Hà.

3. Anh Nguyễn Đăng S vay của Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000 đồng vào tháng 10/2022, thời hạn vay 50 ngày, mức lãi 15.000.000 đồng cắt lãi trước; số tiền gốc hàng ngày anh S phải trả cho H 1.200.000 đồng cho tới khi hết tiền gốc, đến ngày 02/11/2022 anh S phải đi chấp hành án phạt tù nên chưa trả được tiền gốc cho H; hiện nay anh Sơn còn nợ H số tiền gốc 60.000.000 đồng; đã trả lãi 15.000.000 đồng; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 60.000.000 x 20% : 365 x 50 ngày = 1.643.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.356.164 đồng, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9,12 lần.

4. Chị Trần Thị T vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, cụ thể:

- Tháng 3/2022 chị T vay của H số tiền 20.000.000 đồng, thời gian vay 50 ngày, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và cắt lãi trực tiếp số tiền 4.000.000 đồng, chị T chỉ nhận từ H số tiền 16.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị T trả cho H số tiền gốc là 400.000 đồng trong vòng 50 ngày; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 50 ngày = 547.945 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 3.452.055 đồng; vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 7,3 lần.

- Tháng 4/2022 chị T vay của H số tiền 30.000.000 đồng, thời gian vay 50 ngày, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và cắt lãi trực tiếp số tiền 6.000.000 đồng, chị T chỉ nhận từ H số tiền 24.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị T trả cho H số tiền gốc là 600.000 đồng trong vòng 50 ngày; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 30.000.000 x 20% : 365 x 50 ngày = 821.918 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 5.178.082 đồng; vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 7,3 lần.

Như vậy, từ tháng 3/2022 đến tháng 4/2022 Nguyễn Thị H đã cho chị Trần Thị T vay tổng số tiền gốc là 50.000.000 đồng, thu tổng tiền lãi là 10.000.000 đồng, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 7,3 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 1.369.863 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 8.630.137 đồng. Tháng 01/2023 chị T trả cho H số tiền gốc 20.000.000 đồng, đến ngày 20/9/2023 chị T trả cho Hà số tiền gốc 10.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng chị T chưa trả cho H. Ngày 19/02/2024 H trả cho chị T số tiền lãi thu lợi bất chính là 8.630.000 đồng chị T đã trừ vào tiền gốc còn nợ của H. Như vậy đến thời điểm hiện tại chị T còn nợ số tiền gốc của Hà là 11.370.000 đồng.

5. Anh Hắc Ngọc B vay của H với tổng số tiền là 50.000.000 đồng, cụ thể: Tháng 10/2021 anh B vay của H số tiền là 30.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. H cắt lãi trực tiếp từ thời điểm vay với số tiền là 1.500.000 đồng/10 ngày. Trong thời hạn 10 ngày, anh B đã trả hết số tiền gốc cho H. Số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 30.000.000 x 20% : 365 x 10 ngày = 164.384 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 1.335.616 đồng. Sau đó anh B tiếp tục vay của Hà số tiền là 20.000.000 đồng cũng với lãi suất như trên và cắt lãi trực tiếp từ thời điểm vay với số tiền là 1.000.000 đồng/10 ngày, trong thời hạn 10 ngày anh B đã trả hết cho H. Số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20.000.000 x 20% : 365 x 10 ngày = 109.589 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 890.411 đồng. Tổng số tiền lãi H thu của anh B là 2.500.000 đồng/50.000.000 đồng/10 ngày, tương đương 180%/năm, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 273.973 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 2.226.027 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi cho vay lãi nặng của H đối với anh Hắc Ngọc B có số tiền thu lợi bất chính dưới 30.000.000 đồng, đã kết thúc vào tháng 11/2021. Tính đến thời điểm bị phát hiện (ngày 25/9/2023) đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định các trường hợp truy cứu trách nhiệm hình sự, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xem xét xử lý hình sự đối với hành vi cho vay của H đối với anh B.

Ngày 11/12/2023 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hoằng Hóa ra Quyết định trưng cầu giám định số 475/QĐ-CSĐT trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thanh Hóa giám định kỹ thuật số, điện tử đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 pro màu xanh, có gắn sim số 0961.886.212, IMEI 351194967078870; ngày 22/12/2023 Phòng Kỹ thuật hình sự có Kết luận giám định số 4604/KL-KTHS kết luận: "*Tìm thấy 15147 (một năm một bốn bảy) tin nhắn Facebook Messenger, 763 (bảy sáu ba) tin nhắn Message, 15507 (một năm năm không bảy) tin nhắn Zalo trong điện thoại gửi giám định*".

Tuy nhiên, qua trích xuất tệp tin trên, phát hiện có 348 tin nhắn trong ứng dụng Zalo của Nguyễn Thị H trao đổi với anh Lê Quang G liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong

giao dịch dân sự, ngoài ra không phát hiện nội dung với ai khác có liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự và tội phạm khác của Nguyễn Thị H.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Iphone 12 pro màu xanh, số máy A2341, IMEI1: 351194967078870, IMEI2: 351194967037694, kèm theo 01sim điện thoại có số seri 8984048831004880067 được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa để chờ xử lý theo quy định của pháp luật và 01 USB bên trong có 01 tệp tin Phuluc.rar dung lượng 4.06GB là toàn bộ nội dung tin nhắn SMS, Zalo, Messenger trong điện thoại của Nguyễn Thị H được chuyển cùng hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 25/CT-VKSHT ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên và sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân người phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1, 2 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thị H từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp: Tịch thu, truy thu của bị cáo Nguyễn Thị H để nộp vào ngân sách nhà nước toàn bộ số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Thị H đã thu là 108.630.000 đồng, tiền lãi đã thu của người vay tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 46.098.631 đồng. Tổng 154.728.631 đồng (*Một trăm năm mươi tư triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm ba mốt đồng*). Bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp 120.000.000 đồng tại Biên lai thu số 0001761 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa, bị cáo còn phải nộp số tiền 34.728.631 đồng (*Ba mươi tư triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng*). Truy thu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm anh Lê Quang G số tiền 80.000.000 đồng, chị Trần Thị T số tiền 11.370.000 đồng và anh Nguyễn Đăng S số tiền 60.000.000 đồng là khoản tiền gốc vay của bị cáo chưa trả để nộp vào ngân sách nhà nước.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Lê Quang G, anh Nguyễn Đăng S không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền thu lợi bất chính. Đối với số tiền thu lợi bất chính của anh Trương Nam A và chị Trần Thị T, ngày 19/02/2024 H đã trả cho chị T số tiền 8.630.000 đồng chị T đã trừ vào tiền gốc còn nợ của H và trả cho anh Nam A số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn lại anh Nam A không yêu cầu bị cáo phải trả lại;

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động mà bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Nhằm mục đích thu lợi bất chính, từ tháng 08/2021 đến tháng 9/2023 bị cáo Nguyễn Thị H đã cho 04 người vay tiền bằng hình thức vay tín chấp với mức lãi suất từ 4000 đồng/1triệu/ngày đến 5000 đồng/1 triệu/ngày tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 190%/năm; gấp 7,3 đến 9,5 lần so với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; hành vi cho vay của bị cáo được thực hiện cụ thể như sau:

1. Anh Lê Quang Gg vay tổng số tiền 80.000.000 đồng, trong khoảng thời gian từ ngày 08/8/2021 đến ngày 24/9/2023, thu tổng số tiền lãi là 288.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 186%/năm, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9,3 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 30.904.110 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 257.095.890 đồng, đến thời điểm hiện tại anh G vẫn chưa trả số tiền gốc 80.000.000 đồng cho H.

2. Anh Trương Nam A vay tổng số tiền 70.000.000 đồng, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2022 đến tháng 7/2023, thu tổng số tiền lãi là 115.000.000 đồng, tương ứng mức lãi suất 190%/năm, vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 9,5 lần. Trong đó, số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 12.180.822 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 103.319.178 đồng, đến thời điểm hiện tại anh Nam A đã trả hết số tiền gốc 70.000.000 đồng cho H.

3. Anh Nguyễn Đăng S vay số tiền 60.000.000 đồng vào tháng 10/2022, thời hạn vay 50 ngày, mức lãi 15.000.000 đồng cắt lãi trước; số tiền gốc hàng ngày anh S phải trả cho Hà 1.200.000 đồng cho tới khi hết tiền gốc; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự với mức lãi suất 20%/năm là 60.000.000 x 20% : 365 x 50 ngày = 1.643.836 đồng, số tiền thu lợi bất chính là 13.356.164 đồng, vượt quá lãi

suất theo quy định nhà nước gấp 9,12 lần, đến thời điểm hiện tại anh Sơn vẫn chưa trả số tiền gốc 60.000.000 đồng cho Hà.

4. Chị Trần Thị T vay tổng số tiền 50.000.000 đồng, vào tháng 3 và tháng 4/2022, thời gian vay mỗi lần là 50 ngày, lãi suất là 4000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và cắt lãi trực tiếp số tiền 10.000.000 đồng, chị T chỉ nhận từ Hà số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị T trả cho H số tiền gốc là 1.000.000 đồng/ 02 khoản vay trong vòng 50 ngày; số tiền lãi tối đa theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 50.000.000 x 20% : 365 x 100 ngày = 1.369.863 đồng; số tiền thu lợi bất chính là 8.630.137 đồng; vượt quá lãi suất theo quy định nhà nước gấp 7,3 lần. Chị T đã trả cho H số tiền gốc 38.630.000 đồng, còn lại 11.370.000 đồng chị T chưa trả cho H.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị H đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án thì thấy: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân; bị cáo biết hành vi cho vay lãi nặng là nguy hiểm cho xã hội nhưng vì vụ lợi nên vẫn cố tình thực hiện tội phạm nhằm thu lợi bất chính. Vì vậy, cần xử lý bị cáo hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, để giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục hậu quả; đã tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo, các phong trào thiện nguyện tại địa phương, nơi cư trú được chính quyền địa phương và Ủy ban MTTQ Việt Nam xã H xác nhận; trong vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, người vay đã tự nguyện xác lập giao dịch dân sự trái pháp luật, chấp nhận mức lãi suất và số tiền lãi phải trả theo thỏa thuận với người cho vay, nên người vay cũng có một phần lỗi trong giao dịch trên; những người vay tiền có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Do đó, áp dụng quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, gia đình bị cáo có chồng đang đi chấp hành án, một mình bị cáo nuôi con nhỏ; ở địa phương bị cáo luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nơi cư trú.

[4.4] Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có khả năng tự cải tạo, việc cho

họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp với quy định của Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

[5] Hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính nên áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp tư pháp: Tổng số tiền gốc bị cáo Nguyễn Thị H cho 04 khách hàng vay là 260.000.000 đồng, tuy bị cáo không cho vay cùng lúc toàn bộ số tiền trên nhưng một số khoản vay của khách hàng đã trả cho bị cáo, bị cáo không dùng số tiền đó để quay vòng nhiều lần. Do đó cần áp dụng biện pháp tư pháp, truy thu số tiền là phương tiện phạm tội của bị cáo như sau:

[6.1] Đối với số tiền bị cáo cho chị Trần Thị T vay 50.000.000 đồng, đã thu gốc 38.630.000 đồng, còn lại 11.370.000 đồng, anh Trương Nam A vay 70.000.000 đồng, đã thu gốc 70.000.000 đồng. Đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên cần truy thu, tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị H để nộp ngân sách nhà nước.

[6.2] Đối với số tiền của bị cáo cho anh Lê Quang G vay 80.000.000 đồng, anh Nguyễn Đăng S vay 60.000.000 đồng và chị Trần Thị T vay còn lại 11.370.000 đồng; anh G, anh S và chị T chưa trả cho bị cáo số tiền gốc đây là tiền dùng làm phương tiện, công cụ bị cáo phạm tội nên cần truy thu của anh G, anh S và chị T để nộp ngân sách nhà nước.

[6.3] Anh Trương Nam A đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 115.500.000 đồng, trong đó có 12.180.822 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu, tịch thu của bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước, còn số tiền 103.319.178 đồng anh Nam A đã trả cho Hà là tiền thu lời bất chính nên cần buộc bị cáo phải trả lại cho anh Nam A. Ngày 19/02/2024 Hà đã trả cho anh Nam A số tiền 40.000.000 đồng, còn lại 63.319.178 đồng anh Nam A không yêu cầu bị cáo trả lại, đây là sự tự nguyện của anh Nam A nên chấp nhận và không buộc bị cáo phải trả số tiền còn lại cho anh Nam A.

[6.4] Chị T đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 10.000.000 đồng, trong đó có 1.369.863 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần truy thu, tịch thu của bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước, còn số tiền 8.630.137 đồng chị T đã trả cho H là tiền thu lời bất chính nên buộc bị cáo trả lại cho chị T. Ngày 19/02/2024 Hà đã trả cho chị T số tiền thu lời bất chính là 8.630.000 đồng, chị T đã trừ vào số tiền gốc còn nợ của H, còn lại không yêu cầu gì thêm.

[6.5] Anh Lê Quang G đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 288.000.000 đồng, trong đó có 30.904.110 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; anh Nguyễn Đăng S đã trả cho bị cáo H tổng số tiền lãi là 15.000.000 đồng, trong đó có

1.643.836 đồng lãi suất tối đa theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự; nên cần truy thu, tịch thu của bị cáo H để nộp ngân sách nhà nước số tiền 30.904.110 đồng và 1.643.836 đồng; còn số tiền 257.095.890 đồng của anh G và 13.356.164 đồng của anh S đã trả cho H là tiền thu lời bất chính nên buộc bị cáo trả lại cho anh G và anh S, tuy nhiên anh G và anh S có đơn đề nghị không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã thu lời bất chính, đây là sự tự nguyện của anh G và anh S nên chấp nhận và không buộc bị cáo phải trả lại cho anh G và anh S.

[7] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử bị cáo Nguyễn Thị H đã nộp 120.000.000 đồng tại Biên lai thu số 0001761 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa để khắc phục hậu quả.

[8] Vật chứng: 01 điện thoại di động Iphone 12 pro màu xanh, số máy A2341, IMEI1: 351194967078870, IMEI2: 351194967037694 là điện thoại bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Tịch thu tiêu hủy 01sim điện thoại có số seri 8984048831004880067.

[9] Án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 201; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H **01** (*Một*) năm **06** (*Sáu*) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **03** *(Ba)* năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền 35.000.000 đồng (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Trong thời gian thử thách giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Uỷ ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo quy định của Luật Thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Biện pháp tư pháp:

1. Truy thu, tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc mà bị cáo Nguyễn Thị H đã thu lại là 108.630.000 đồng, số tiền lãi đã thu của người vay tương ứng mức lãi suất 20%/năm là 46.098.631 đồng. Tổng 154.728.631 đồng (*Một trăm năm mươi tư triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm ba mốt đồng*). Trừ đi số tiền mà Nguyễn Thị H đã nộp là 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)* tại Biên lai thu số 0001761 ngày 01/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa. Số tiền còn lại tiếp tục phải truy thu của Nguyễn Thị H là 34.728.631 đồng *(Ba mươi tư triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi mốt đồng).*

2. Truy thu, tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền gốc của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho Nguyễn Thị H gồm:

- Anh Lê Quang G số tiền 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

- Anh Nguyễn Đăng S số tiền 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*).

- Chị Trần Thị T số tiền 11.370.000 đồng (*Mười một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Vật chứng vụ án: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 pro màu xanh, số máy A2341, IMEI1: 351194967078870, IMEI2: 351194967037694, tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại có số seri 8984048831004880067, theo biên bản giao nhận vật chứng số 29/BBGN ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoằng Hóa.

Án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện H;*
- *Cơ quan điều tra Công an huyện Hoằng Hóa;*
- *Cơ quan THA HS huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Bị cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*